

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 05/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Hặc và ông Nguyễn X Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M1, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Sùng A M, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M1, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Ch - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nh và anh Sùng A M sống chung như vợ chồng từ tháng 12 năm 2015, đến ngày 13/9/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên nghi ngờ dẫn đến chửi bới, đánh đập nhau. Đến tháng 5 năm 2024 thì hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị Nh cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M;

Về con chung: Anh M, chị Nh có hai con chung là cháu Sùng Thị Mai X sinh ngày 04/9/2016 và cháu Sùng Mạnh T sinh ngày 16/7/2018, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nh có thu nhập bình quân khoảng 05 triệu đồng một tháng đủ để đảm bảo nuôi dưỡng các cháu.

Về quan hệ tài sản: Tại đơn khởi kiện chị Nh yêu cầu chia tài sản chung của hai vợ chồng gồm có: 01 xe máy Honda Wave biển kiểm soát 27B2-288.44 M tên anh Sùng A M trị giá 9.000.000 đồng và 29 bao thóc trị giá khoảng 10.000.000 đồng. Chị Nh có nguyện vọng được chia đôi số tài sản trên. Quá trình giải quyết chị Nh đã có đơn rút yêu cầu về việc chia các tài sản chung nêu trên. Tại phiên tòa chị vẫn giữ quan điểm rút yêu cầu về việc chia tài sản này.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Sùng A M, đã triệu tập anh M đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Nh có xác nhận của chính quyền địa phương trong đơn thể hiện: Hai vợ chồng chị Nh và anh M chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, thường xảy ra cãi đánh nhau, không cùng chia sẻ và vun vén kinh tế, đã ly thân nhau. Hai anh chị có hai con chung là cháu Sùng Thị Mai X sinh ngày 04/9/2016 và cháu Sùng Mạnh T sinh ngày 16/7/2018.

Cháu Sùng Thị Mai X có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với chị Nh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn giữa chị Nh và anh M, giao các con chung cho chị Nh để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của chị Nh và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 17/6/2024 chị Vừ Thị Nh nộp đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với anh Sùng A M; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Chị Nh có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngày 18/6/2024 chị Nh được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nh theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Vừ Thị Nh và anh Sùng A M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Chị Nh có mặt tại phiên tòa, anh M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Vừ Thị Nh và anh Sùng A M kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh Điện Biên vào ngày 13/9/2017, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nh, anh M

là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm hai vợ chồng không cùng nhau vun vén hạnh phúc, hiện đã ly thân và không quan tâm đến nhau. Những nội dung này được thể hiện trong chính lời trình bày của nguyên đơn và cũng đã được chính quyền nơi cư trú của hai anh chị xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đều vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện được các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giải quyết cho ly hôn giữa chị Nh với anh M.

Về con chung: Chị Nh và anh M có hai con chung Sùng Thị Mai X sinh ngày 04/9/2016 và cháu Sùng Mạnh T sinh ngày 16/7/2018. Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Hội đồng xét thấy cháu X có nguyện vọng được ở với chị Nh, cháu T còn nhỏ cũng cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, anh M được triệu tập nhưng không tới các phiên làm việc của Tòa án, không trình bày quan điểm về việc nuôi con nên không rõ có nguyện vọng trực tiếp nuôi con hay không. Chị Nh cũng có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Nh, giao cháu X và cháu T cho chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Chị Nh rút yêu cầu về việc chia tài sản chung đối với 01 xe máy Honda Wave biển kiểm soát 27B2-288.44 M tên anh Sùng A M trị giá 9.000.000 đồng và 29 bao thóc trị giá khoảng 10.000.000 đồng. Xét thấy việc rút phần yêu cầu này của chị Nh là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị Nh.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử thấy căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nh được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án vì chị Nh là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vừ Thị Nh, cho ly hôn giữa chị Vừ Thị Nh và anh Sùng A M.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Thị Mai X sinh ngày 04/9/2016 và cháu Sùng Mạnh T sinh ngày 16/7/2018 cho chị Vừ Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Vừ Thị Nh đối với 01 xe máy Honda Wave biển kiểm soát 27B2-288.44 M tên anh Sùng A M và 29 bao thóc.

4. Về án phí: Chị Vừ Thị Nh được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2024); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HMC;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS HMC;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc